THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 14/3/2022 của UBND huyện Bình Sơn)

STT	Nội dung	TMĐT	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
				Vốn phân cấp	Vốn huyện		Vốn phân cấp	Vốn huyện		Vốn phân cấp	Vốn huyện		Vốn phân cấp	Vốn huyện	
1	2	10	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	Tổng cộng	**1.550.881**	**186.356**	**31.856**	**154.500**	**41.932**	**6.805**	**35.127**	**41.932**	**6.805**	**35.127**	**186.356**	**31.856**	**154.500**	
A	**Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM**	**186.509**	**24.007**	**20.335**	**3.672**							**24.007**	**20.335**	**3.672**	
B	**Dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và chuyển tiếp năm 2021**	**447.484**	**99.699**	**5.173**	**94.526**	**1.448**	**0**	**1.448**	**862**	**457**	**405**	**100.285**	**4.716**	**95.569**	
I	**Bố trí các dự án giai đoạn 2016-2020**	**444.439**	**98.154**	**5.173**	**92.981**	**1.448**	**0**	**1.448**	**862**	**457**	**405**	**98.740**	**4.716**	**94.024**	
3	Kiên cố hóa kênh thôn An Phong và thôn Thạch An	5.000	17	17					17	17		0	0		Đã bố trí trong năm 2021 (QĐ82)
8	Trường tiểu học số 2 Bình Hải	2.100	436	436					240	240		196	196		Đã bố trí KHV năm 2021 (QĐ82)
10	Đường từ QL24C đi Đồng Lớn	11.500	3.540		3.540	862		862				4.402		4.402	Điều chỉnh giảm 1.370 triệu đồng năm 2021 (QĐ82)
11	KCH kênh từ ngõ Bà Liễu đến Đồng Đế trong	1.300	200		200				150		150	50		50	Đã bố trí KHV năm 2021 (QĐ82)
12	Kiên cố hóa kênh B3-2-19-7-Sác Sơn; kênh B3-2-19-6 Đồng Tràm, xã Bình Dương	1.800	196		196				155		155	41		41	Đã bố trí KHV năm 2021 (QĐ82)
13	KCH kênh Cống Lù - giữa đồng, xã Bình Thanh Đông	1.200	198		198				100		100	98		98	Đã bố trí KHV năm 2021 (QĐ82)

STT	Nội dung	TMĐT	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó		
				Vốn phân cấp	Vốn huyện	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn huyện	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn huyện		Vốn phân cấp	Vốn huyện	
1	2	10	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
14	KCH kênh từ hồ Đá Bạc - sông Đồng Tranh, xã Bình An	3.500	422	422					200	200		222	222		Đã bố trí KHV năm 2021 (QĐ82)
25	Thủy lợi Đồng Sông (đập và kênh), huyện Bình Sơn	27.500	6.449		6.449	486		486				6.935		6.935	Điều chỉnh giảm KHV năm 2021 (QĐ82)
27	Nghĩa trang Phố Tinh, xã Bình Phước	20.000				100		100				100		100	Bố trí KHV chuẩn bị đầu tư
C	**Dự án khởi công mới 2022**	**127.970**	**14.600**	**3.830**	**10.770**	**40.484**	**6.805**	**33.679**	**3.830**	**3.830**	**0**	**51.254**	**6.805**	**44.449**	
*	**Công trình giao thông**														
5	Tuyến TL621 đi Lê Ngung	20.000				7.849		7.849				7.849		7.849	
6	Nâng cấp tuyến đường ĐH,05 (Nước Mặn - Bình Khương)	27.500				9.000		9.000				9.000		9.000	
7	Nâng cấp tuyến đường ĐH.10 (đoạn xã Bình Tân Phú)	14.800				5.000		5.000				5.000		5.000	
8	Đường giao thông tuyến QL1 (ngõ ông Gieo) đi Tịnh Thọ	4.400				2.000		2.000				2.000		2.000	
9	Bê tông xi măng đường ĐT.621 Châu Me - Châu An, xã Bình Châu	2.500				1.000		1.000				1.000		1.000	
*	**Công trình dân dụng**														
10	Trường Mầm non Mỹ Long An	5.000	3.830	3.830		3.830		3.830	3.830	3.830		3.830		3.830	Do vướng trong quá trình lập dự toán thiết kế (tăng tổng mức) điều chỉnh nguồn vốn để đảm bảo giải ngân nguồn phân cấp của tỉnh

STT	Nội dung	TMĐT	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó		
				Vốn phân cấp	Vốn huyện	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn huyện	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn huyện		Vốn phân cấp	Vốn huyện	
1	2	10	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
11	Trường TH&THCS Bình Chương	4.500				2.030	2.030					2.030	2.030		
12	Trường TH & THCS Bình Hòa	3.500				1.800	1.800					1.800	1.800		
13	Trường Tiểu học Bình Chánh	5.000				2.975	2.975					2.975	2.975		
14	Trụ sở UBND xã Bình Chương	12.000				5.000		5.000				5.000		5.000	
D	**Dự án chuẩn bị đầu tư**	**788.918**	**1.670**	**0**	**1.670**				**180**		**180**	**1.490**	**0**	**1.490**	**0**
*	**Giao thông**														
2	Nâng cấp tuyến đường ĐH.10 (đoạn xã Bình Tân Phú)	14.800	50		50				50		50	0		0	Điều chỉnh giảm, bố trí qua công trình khởi công mới
4	Bê tông xi măng đường ĐT.621 Châu Me - Châu An, xã Bình Châu	2.500	20		20				20		20	0		0	
5	Đường giao thông tuyến QL1 (ngõ ông Gieo) đi Tịnh Thọ	4.400	20		20				20		20	0		0	
*	**Công trình dân dụng**														
26	Trường Tiểu học Bình Chánh	5.000	20		20				20		20	0		0	
29	Trụ sở UBND xã Bình Chương	12.000	20		20				20		20	0		0	
31	Trường TH&THCS Bình Chương	4.500	30		30				30		30	0		0	
34	Trường TH & THCS Bình Hòa	3.500	20		20				20		20	0		0	
E	**Dự phòng đầu tư**		**46.380**	**2.518**	**43.862**				**37.060**	**2.518**	**34.542**	**9.320**		**9.320**	

STT	Nội dung	TMĐT	Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Điều chỉnh tăng			Điều chỉnh giảm			Kế hoạch đầu tư công năm 2022 điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		Tổng	Vốn phân cấp	Vốn huyện	Tổng	Vốn phân cấp	Vốn huyện	Tổng số	Trong đó		
				Vốn phân cấp	Vốn huyện								Vốn phân cấp	Vốn huyện	
1	2	10	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28